

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục các loài thủy sinh
quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam cần được bảo vệ,
phục hồi và phát triển**

Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17 tháng 7 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2008, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Cục trưởng Cục khai thác và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản,¹

¹ Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định:”

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo²

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng các Vụ, Cục, Thanh tra Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 06/VBHN-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2015

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

² Điều 2 của Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011 quy định như sau:

“Điều 2. Thông tư này có hiệu lực sau bốn mươi lăm ngày kể từ ngày ký”

Danh mục
CÁC LOÀI THỦY SINH QUÝ HIẾM CÓ NGUY CƠ TUYỆT CHỦNG
Ở VIỆT NAM CẦN ĐƯỢC BẢO VỆ, PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17 tháng 7 năm 2008)

Phần I
GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng là những loài sinh vật (động vật và thực vật) thích nghi với đời sống ở nước hoặc vùng đất ngập nước có giá trị đặc biệt về khoa học, môi trường hoặc có giá trị kinh tế cao, số lượng quần thể còn rất ít và có khả năng bị biến mất trong tự nhiên ở các cấp độ khác nhau.

Các tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá nguy cơ tuyệt chủng của các loài, các thứ hạng về mức độ đe dọa tuyệt chủng của sinh vật hoang dã:

(Phiên bản 2.2, 1994 của Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế IUCN)

Tiêu chuẩn Thứ hạng	Nguy cơ tuyệt chủng	(A) Suy giảm số lượng quần thể/10 năm	(B) Khu vực phân bố/nơi cư trú (km ²)	(C) Số cá thể trong quần thể
Tuyệt chủng-EX	Không còn cá thể nào tồn tại	-	-	-
Tuyệt chủng ngoài thiên nhiên-EW	Chỉ còn tồn tại trong điều kiện nuôi nhốt	-	-	-
Rất nguy cấp-CR	Cực kỳ lớn	≥ 80%	< 100/10	< 250
Nguy cấp-EN	Rất lớn	≥ 50%	< 5000/500	< 2500
Sẽ nguy cấp-VU	Lớn	≥ 20%	< 20.000/2000	< 10.000

Nơi cư trú: Vị trí, địa điểm cư trú của một quần thể trong vùng phân bố địa lý hay nơi sống của loài.

Khu vực phân bố: Là vùng mà trên đó một loài chiếm cứ (có sự xuất hiện của loài).

Các mức độ đe dọa tuyệt chủng được hiểu như sau:

(theo Sách đỏ Việt Nam năm 2007)

- *Tuyệt chủng (Extinct-EX):* một taxon được coi là tuyệt chủng khi không còn nghi ngờ là cá thể cuối cùng của taxon đó đã chết.

- *Tuyệt chủng ngoài thiên nhiên (Extinct in the wild-EW):* một taxon được coi là tuyệt chủng ngoài thiên nhiên khi chỉ còn thấy trong điều kiện gây trồng, nuôi

nhốt hoặc chỉ là một (hoặc nhiều) quần thể đã tự nhiên hóa trở lại bên ngoài vùng phân bố cũ.

- *Rất nguy cấp (Critically endangered-CR)*: một taxon được coi là rất nguy cấp khi đang đứng trước một nguy cơ cực kỳ lớn sẽ bị tuyệt chủng ngoài thiên nhiên trong một tương lai trước mắt.

- *Nguy cấp (Endangered-EN)*: một taxon được coi là nguy cấp khi chưa phải là rất nguy cấp nhưng đang đứng trước một nguy cơ rất lớn sẽ bị tuyệt chủng ngoài thiên nhiên trong một tương lai gần.

- *Sẽ nguy cấp (Vulnerable-VU)*: một taxon được coi là sẽ nguy cấp khi chưa phải là rất nguy cấp hoặc nguy cấp nhưng đang đứng trước một nguy cơ lớn sẽ bị tuyệt chủng ngoài thiên nhiên trong một tương lai tương đối gần.

Phần II
DANH SÁCH CÁC LOÀI THỦY SINH QUÝ HIẾM
CÓ NGUY CƠ TUYỆT CHỦNG Ở VIỆT NAM

Bảng 1. Các loài đã tuyệt chủng ngoài thiên nhiên (EW)

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
I	BÒ SÁT		
	Bộ Cá Sấu	Crocodylia	
	Họ Cá Sấu chính thức	Crocodylidae	
1	Cá Sấu hoa cà	<i>Crocodylus porosus</i>	Từ Vũng Tàu - Cần Giờ đến vùng biển Kiên Giang, đảo Phú Quốc, Côn Đảo
II	CÁ		
	Bộ Cá Chình	Anguilliformes	
	Họ Cá Chình	Anguillidae	
2	Cá Chình nhật	<i>Anguilla japonica</i>	Hà Nội (Thanh Trì: sông Hồng), các tỉnh ven biển Bắc Bộ (Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình), Trung Trung Bộ (Quảng Ngãi, Bình Định)
	Bộ Cá Chép	Cypriniformes	
	Họ Cá Chép	Cyprinidae	
3	Cá Lợ thân thấp	<i>Cyprinus multitaeniata</i>	Các sông suối miền núi phía Bắc: Hà Giang, Tuyên Quang (sông Lô -Gâm), Bắc Kạn (sông Năng - hồ Ba Bể), Yên Bái, Phú Thọ (sông Thao, hồ Thác Bà), Hòa Bình (sông Đà, hồ Hòa Bình), Lạng Sơn (sông Trung - vùng Hữu Lũng), Thái Nguyên, Bắc Giang (sông Cầu, sông Thương)
4	Cá Chép gốc	<i>Procypris merus</i>	Lạng Sơn (sông Kỳ Cùng)
5	Cá mè huế ³	<i>Chanodichthys flavpinnis</i>	Thừa Thiên Huế
	Bộ Cá Thát lát ⁴	Osteoglossiformes	

³ Loài này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011

⁴ Bộ này được sửa đổi mức độ nguy cấp từ mức EN sang mức EW theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
	Họ Cá Mơn	Osteoglossidae	
6	Cá Mơn (Cá Rồng)	<i>Scleropages formosus</i>	Đồng Nai (trung lưu sông Đồng Nai, khu vực VQG Cát Tiên huyện Tân Phú)

Bảng 2. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng cực kỳ lớn (CR)

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
I	THÚ		
	Bộ Hải ngưu	Sirenia	
	Họ Cá cúi	Dugongidae	
1	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>	Vịnh Hạ Long, ven biển Khánh Hòa, Côn Đảo và Phú Quốc
II	BÒ SÁT		
	Bộ Rùa biển	Testudinata	
	Họ Rùa da	Dermochelyidae	
2	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>	Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định. Từ Thanh Hóa tới Bình Thuận và Trường Sa
	Họ Vích	Cheloniidae	
3	Quản đồng	<i>Caretta caretta</i>	Các tỉnh ven biển Việt Nam từ Quảng Ninh đến Kiên Giang, đặc biệt là khu đảo Bạch Long Vĩ đến Cát Bà
	Họ Ba ba	Trionychidae	
4	Giải thượng hải	<i>Rafetus swinhoei</i>	Phú Thọ (Hạ Hòa), Hà Tây (Bằng Tạ), Hà Nội (Hồ Gươm), Hòa Bình (Luông Sơn), Thanh Hóa (sông Mã)..
	Bộ Cá Sấu	Crocodylia	
	Họ Cá Sấu chính thức	Crocodylidae	
5	Cá Sấu xiêm	<i>Crocodylus siamensis</i>	Kon Tum (sông Sa Thầy), Gia Lai (sông Ba), Đắk Lắk (sông Ea Sup, sông Krong Ana, hồ Lắk, hồ Krong Pach Thượng), Khánh Hòa, Đồng Nai (Nam Cát Tiên), Nam Bộ (sông Cửu Long)

quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
III	CÁ		
	Bộ Cá Chép	Cypriniformes	
	Họ Cá Chép	Cyprinidae	
6	Cá Măng giã	<i>Luciocyprinus langsoni</i>	Lạng Sơn (sông Kỳ Cùng)
	Bộ Cá Vược	Perciformes	
	Họ Cá Mú	Serranidae	
7	Cá Song vân giun	<i>Epinephelus undulatostratus</i>	Quảng Ninh
	Họ Cá Sạo	Pomadasyidae	
8	Cá Kẽm mép vẩy đen	<i>Plectorhynchus gibbosus</i>	Cù Lao Chàm (Quảng Nam)
	Họ Cá Đù ⁵	Sciaenidae	
9	Cá Đường (Cá Sủ giấy)	<i>Otolithoides biauratus</i>	Các tỉnh ven biển Việt Nam, chủ yếu vịnh Bắc Bộ, Đông và Tây Nam Bộ
	Bộ Cá Nheo	Siluriformes	
	Họ Cá Tra	Pangasiidae	
10	Cá Vồ cờ	<i>Pangasius sanitwongsei</i>	Sông Cửu Long
	Họ Clariidae ⁶	Clariidae	
11	Cá trê trắng	<i>Clarias batrachus</i>	Đồng bằng Nam Bộ
	Họ cá nheo ⁷	Siluridae	
12	Cá chen bầu	<i>Ompok bimaculatus</i>	Đồng bằng Nam Bộ

⁵ Họ này được sửa đổi mức độ nguy cấp từ mức VU sang mức CR theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

⁶ Họ này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

⁷ Họ này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
IV	THÂN MỀM		
	Bộ Trai Cóc	Unionoida	
	Họ Trai Cóc	Amblemidae	
13	Trai Cóc dày	<i>Gibbosula crassa</i>	Cao Bằng (sông Bằng)
	Bộ Chân bụng cỏ	Vetigastropoda ⁸	
	Họ Bào ngư	Haliotidae	
14	Bào ngư chín lỗ	<i>Haliotis diversicolor</i>	Bạch Long Vĩ, Thanh Lân, Cô Tô, Hạ Mai, Thượng Mai, vịnh Hạ Long
	Họ Ốc Đụn	Trochidae	
15	Ốc Đụn cái	<i>Tectus niloticus</i> ⁹	Hải Phòng (Bạch Long Vĩ, Cát Bà), Quảng Ninh (vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long); Khánh Hòa (vịnh Văn Phong, Hòn Tre, Vũng Rô, Hòn Miếu, Hòn Tâm, Hòn Đụn, Hòn Hồ, Hòn Chà Là, Hòn Nội, Hòn Ngoại, Trường Sa), Côn Đảo (Hòn Trắc, Hòn Tre Nhỏ, Hòn Tre Lớn, Côn Đảo Nhỏ, Hòn Bảy Cạnh), Kiên Giang (Hòn Gỏi, Hòn Mây Rút, Hòn Thơm, Hòn Vàng)
	Họ Ốc Xà cừ	Turbinidae	
16	Ốc Xà cừ	<i>Turbo marmoratus</i>	Vũng Rô, vịnh Văn Phong, Hòn Tre
	Bộ Ốc Anh vũ	Nautiloidea	
	Họ Ốc Anh Vũ	Nautilidae	
17	Ốc Anh vũ	<i>Nautilus pompilius</i>	Khánh Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu
	Bộ Chân bụng trung	Mesogastropoda	
	Họ Ốc Tù và	Ranellidae ¹⁰	

⁸ Tên khoa học Archaeogastropoda của Bộ này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

⁹ Tên khoa học *Trochus niloticus* của loài này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
18	Ốc Tù và	<i>Charonia tritonis</i>	Khánh Hòa (Hòn Tre, Hòn Mun), Quảng Ngãi (đảo Lý Sơn), Côn Đảo
	Họ Ốc Sứ	Cypraeidae	
19	Ốc Sứ mắt trĩ	<i>Cypraea argus</i>	Vũng Rô, đảo Thổ Chu, Côn Đảo
	Bộ ngao ¹¹	Veneroida	
	Họ Trai Tai tượng	Tridacnidae	
20	Trai Tai tượng khổng lồ	<i>Tridacna gigas</i>	Vùng khơi Khánh Hòa (đảo Sinh Tồn - quần đảo Trường Sa)
V	THỰC VẬT		
	Ngành Rong đỏ	Rhodophyta	
	Họ Rong chũn	Grateloupiaceae	
21	Rong chân vịt nhăn	<i>Cryptonemia undulata</i>	Hải Phòng (Đồ Sơn, Hòn Dấu)
	SAN HÔ¹²		
22	Bộ san hô đen	Antipatharia	Vùng biển xa bờ các đảo: Ba Mùn, Cồn Cỏ, Phú Quốc, Phú Quý

Bảng 3. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng rất lớn (EN)

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
I	THÚ		
	Bộ Cá Voi	Cetacea	

¹⁰ Tên khoa học Cymatidae của họ này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

¹¹ Bộ này được sửa đổi mức độ nguy cấp từ mức EN sang mức CR theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

¹² Loài này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
	Họ Cá Heo	Delphinidae	
1	Cá Heo trắng trung hoa	<i>Sousa chinensis</i>	Ven bờ Quảng Ninh - Hải Phòng và Khánh Hòa (vịnh Bình Cang)
II	BÒ SÁT		
	Bộ Rùa biển	Testudinata	
	Họ Vích	Cheloniidae	
2	Vích	<i>Chelonia mydas</i>	Từ vịnh Bắc Bộ đến vịnh Thái Lan. Có nhiều ở Côn Đảo và Trường Sa
3	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>	Các tỉnh ven biển Việt Nam, chủ yếu Quảng Ninh, Hải Phòng, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Côn Đảo, Kiên Giang, quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Khu vực phân bố tập trung là xung quanh quần đảo Trường Sa, Côn Đảo và Phú Quốc
4	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>	Phân bố ở khắp các vùng biển, các tỉnh ven biển Việt Nam
	Họ Ba ba	Trionychidae	
5	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantori</i>	Lai Châu, Hà Tây, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Khánh Hòa
III	LUỖNG CƯ		
	BộẾch nhái có đuôi	Caudata	
	Họ Cá Cóc	Salamandridae	
6	Cá Cóc tam đảo	<i>Paramesotriton deloustali</i>	Ở các suối trên dãy Tam Đảo đổ xuống địa phận 3 tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc và địa phận VQG Ba Bể tỉnh Bắc Kạn
7	Sa giông Việt Nam	<i>Tylotriton vietnamensis</i>	Lào Cai (Văn Bàn), Cao Bằng (Nguyên Bình), Bắc Giang (Lục Nam), Nghệ An (Quế Phong)
	Bộ cá trích ¹³	Clupeiformes	

¹³ Bộ này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
	Họ Engraulidae	Engraulidae	
8	Cá lẹp hàm dài	<i>Thrissa setirostris</i>	Vùng ven biển đông nam bộ
9	Cá lẹp hai quai	<i>Thrissa mystax schneider</i>	Vùng ven biển đông nam bộ
10	Cá lẹp vàng vây ngực dài	<i>Setipinna taty</i>	Vùng ven biển đông nam bộ
IV	CÁ		
	Bộ Cá Trích	Clupeiformes	
	Họ Cá Trích	Clupeidae	
11	Cá Cháy bắc	<i>Tenualosa reevesii</i>	Yên Bái, Phú Thọ, Tuyên Quang (sông Hồng, sông Lô - Gâm), Hòa Bình (sông Đà, sông Bôi), Thái Nguyên, Bắc Ninh (sông Cầu), Bắc Giang (sông Cầu, sông Thương), các tỉnh vùng đồng bằng Bắc Bộ (hạ lưu sông Hồng và sông Thái Bình), Thanh Hóa (sông Mã), Nghệ An (Vinh - sông Lam)
	Bộ Cá Chép	Cypriniformes	
	Họ Cá Chép	Cyprinidae	
12	Cá Hồ	<i>Catlocarpio siamensis</i>	Khu vực thượng và trung lưu sông Cửu Long. Mùa lũ đi vào các vùng ngập của đồng bằng sông Cửu Long, sông Vàm Cỏ Tây
13	Cá Lợ thân cao (Cá Lợ)	<i>Cyprinus hyperdorsalis</i>	Sông suối thuộc hệ thống sông Đà thuộc Sơn La (Tạ Khoa - Yên Châu) và Hòa Bình (Vạn Yên, suối Rút - Đà Bắc)
14	Cá Trữ	<i>Laichowcypris dai</i>	Các sông suối thuộc hệ thống sông Đà ở các tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình
15	Cá Pạo (Cá Mì)	<i>Sinilabeo graffeuilli</i>	Các sông suối vùng trung lưu và thượng lưu sông Đà (Lai Châu), sông Thao (Lào Cai, Yên Bái), sông Kỳ Cùng (Lạng Sơn)

hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
16	Cá Rai	<i>Neolisochilus benasi</i>	Các sông suối từ miền Bắc đến Quảng Bình
17	Cá dày ¹⁴	<i>Channa lucius</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
18	Cá học trò ¹⁵	<i>Balantiocheilos ambusticauda</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
19	Cá Trà sóc ¹⁶	<i>Probarbus jullieni</i>	Trung, thượng lưu hệ thống sông Đồng Nai - Sài Gòn, sông Vàm Cỏ Tây, sông Cửu Long
	Bộ Cá Vược	Perciformes	
	Họ Cá quả	Channidae	
20	Cá Chuối hoa	<i>Channa maculata</i>	Các tỉnh phía Bắc cho tới Thanh Hóa
21	Cá Trèo đồi	<i>Chana asiatica</i>	Thái Nguyên, Ninh Bình
	Họ cá mú ¹⁷	Serranidae	
22	Cá mú dẹt	<i>Cromileptes altivelis</i>	Vùng biển Nha Trang, Khánh Hòa
	Họ cá bàng chài	Labridae	
23	Cá bàng chài vân sóng	<i>Cheilinus undulatus</i>	Vùng biển Nha Trang, Trường Sa, Côn Đảo

¹⁴ Loài này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

¹⁵ Loài này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

¹⁶ Loài này được sửa đổi mức độ nguy cấp từ mức VU sang mức EN theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

¹⁷ Họ này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
	Họ cá mó ¹⁸	Scaridae	
24	Cá mó đầu u	<i>Bolbometopon muricatum</i>	Côn Đảo, Phú Quốc
	Bộ Cá Nheo	Siluriformes	
	Họ Cá Lăng	Bagridae	
25	Cá Lăng đen	<i>Hemibagrus vietnamicus</i>	Các sông suối miền Bắc
	Họ Clariidae ¹⁹	Clariidae	
26	Cá trê	<i>Clarias nieuhofii</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
27	Cá trê tói	<i>Clarias meladerma</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
	Họ cá tra ²⁰	Pangasiidae	
28	Cá Tra dầu	<i>Pangasianodon gigas</i>	Sông Cửu Long (sông Tiền, sông Hậu)
	Bộ Cá Voi	Cetacea	
	Họ Cá nhà táng		
29	Cá nhà táng	<i>Physeter macrocephalus</i>	Vùng biển khơi
	Bộ Cá Nhám thu	Lamniformes	
	Họ Cá Nhám thu	Alopiidae	
30	Cá Nhám đuôi dài	<i>Alopias pelagicus</i>	Vùng biển cửa vịnh Bắc Bộ, Bình Thuận
	Bộ Cá Nhám râu	Orectolobiformes	
	Họ Cá Nhám nhu mì	Stegostomatidae	
31	Cá Nhám nhu mì	<i>Stegostoma fasciatum</i>	Đông nam vịnh Bắc Bộ, Khánh Hòa, Bình Định, Nam Bộ, vịnh Thái Lan

¹⁸ Họ này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

¹⁹ Họ này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

²⁰ Họ này được sửa đổi mức độ nguy cấp từ mức VU sang mức EN theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
	Họ Cá Nhám voi	Rhincodontidae	
32	Cá Nhám voi	<i>Rhincodon typus</i>	Quảng Ninh, Hải Phòng, Nam Định, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau, vịnh Thái Lan
	Bộ Cá Mập	Carcharhiniformes	
	Họ Cá Nhám mèo	Scyliorhinidae	
33	Cá Nhám lông nhung	<i>Cephaloscyllium umbratile</i>	Vịnh Bắc Bộ, Bình Định, Bình Thuận, vịnh Thái Lan
	Họ cá mập ²¹	Carcharhinidae	
34	Cá mập đầu bạc	<i>Carcharhinus albimarginatus</i>	Vùng biển xa bờ
35	Cá mập đốm đen đỉnh đuôi	<i>Carcharhinus melanopterus</i>	Vịnh Bắc Bộ và vùng biển xa bờ
	Bộ Cá Nhám góc	Squaliformes	
	Họ Cá Nhám góc	Squalidae	
36	Cá Nhám nâu	<i>Etmopterus lucifer</i>	Vịnh Bắc Bộ, Khánh Hòa, Bình Thuận
	Bộ Cá Đao	Pristiformes	
	Họ Cá Đao	Pristidae	
37	Cá Đao răng nhọn	<i>Pristis cuspidatus</i>	Vịnh Bắc Bộ (Bạch Long Vĩ), Khánh Hòa, Bình Thuận, Nam Bộ, vịnh Thái Lan
38	Cá Đao răng nhỏ	<i>Pristis microdon</i>	Vịnh Bắc Bộ (Bạch Long Vỹ), Khánh Hòa, Bình Thuận, vịnh Thái Lan
	Bộ Cá Giống	Rhynchobatiformes	
	Họ Cá Giống	Rhinobatidae	
39	Cá Giống mõm tròn	<i>Rhina ancylostoma</i>	Vịnh Bắc Bộ (Quảng Ninh và đông nam vịnh Bắc Bộ), Khánh Hòa, Bình Thuận, vịnh Thái Lan
	Bộ Cá Dạng voi	Centromimiformes	
	Họ Cá Nòng nọc	Ateleopidae	
40	Cá Nòng nọc nhật bản	<i>Ateleopus japonicus</i>	Vịnh Bắc Bộ, Trung Bộ
	Bộ Cá Dây	Zeiformes	

²¹ Họ này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
	Họ Cá Dây	Zeidae	
41	Cá Dây lưng gù	<i>Cyttopsis cypho</i>	Vịnh Bắc Bộ, biển phía Nam Trung Bộ: Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận
42	Cá Dây nhật bản	<i>Zeus faber</i>	Vịnh Bắc Bộ
	Bộ Cá Gai	Gasterosteiformes	
	Họ Cá Kèn	Aulostomidae	
43	Cá Kèn trung quốc	<i>Aulostomus chinensis</i>	Miền Trung (Đà Nẵng đến Khánh Hòa)
	Họ Cá Dao cạo	Solenostomidae	
44	Cá Dao cạo	<i>Solenostomus paradoxus</i>	Biển Nha Trang (Khánh Hòa)
	Họ Cá Chia vôi	Syngnathidae	
45	Cá Ngựa nhật	<i>Hippocampus japonicus</i>	Vịnh Bắc Bộ, Khánh Hòa, Bình Thuận
46	Cá Ngựa đen	<i>Hippocampus kuda</i>	Vịnh Bắc Bộ, Nam Trung Bộ (từ Đà Nẵng đến Bà Rịa - Vũng Tàu), Kiên Giang, Phú Quốc
47	Cá Ngựa chấm	<i>Hippocampus trimaculatus</i>	Vịnh Bắc Bộ, Nam Trung Bộ (từ Đà Nẵng đến Bình Thuận)
	Bộ Cá Vược	Perciformes	
	Họ Cá Sạo	Pomadasyidae	
48	Cá Kềm chấm vàng	<i>Plectorhynchus flavomaculatus</i>	Cù Lao Chàm, Nha Trang, Hòn Cau, Côn Đảo
	Bộ Cá Mù làn	Scorpaeniformes	
	Họ Cá Mù làn	Scorpaenidae	
49	Cá Mặt quỷ	<i>Scorpaenopsis diabolus</i>	Miền Trung từ Đà Nẵng đến Khánh Hòa
	Bộ Cá Nóc	Tetraodontiformes	
	Họ Cá Bò giấy	Monacanthidae	
50	Cá Bò râu	<i>Anacanthus barbatus</i>	Vịnh Bắc Bộ, Nam Trung Bộ (Khánh Hòa, Bình Thuận), Tây Nam Bộ (Kiên Giang)
	Họ Cá Mặt trắng	Molidae	
51	Cá Mặt trắng đuôi nhọn	<i>Masturus lanceolatus</i>	Vịnh Bắc Bộ, Trung Bộ
52	Cá Mặt trắng	<i>Mola mola</i>	Vịnh Bắc Bộ (Bạch Long Vỹ), Trung Bộ
	Bộ cá đuối ²²	Rajiformes	

²² Bộ này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
	Họ cá đuối ó	Myliobatidae	
53	Cá đuối ó không chấu	<i>Aetobatus flagellum</i>	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
54	Cá đuối ó không gai	<i>Aetobatus nichofii</i>	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
	Họ cá đuối quạt	Rajidae	
55	Cá đuối quạt	<i>Okamejei kenojei</i>	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
	Họ cá đuối bướm	Gymnuridae	
56	Cá đuối bướm nhật bản	<i>Gymnura japonica</i>	Vịnh Bắc Bộ và vùng biển miền Trung
57	Cá đuối bướm hoa	<i>Gymnura poecilura</i>	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
	Bộ cá thát lát ²³	Osteoglossiformes	
	Họ cá thát lát	Notopteridae	
58	Cá Còm	<i>Chitala ornata</i>	Tây Nguyên (một số sông lớn đổ vào sông Mekong); Đông Nam Bộ (một số khu vực thuộc sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Vàm Cỏ Tây, sông Vàm Cỏ Đông) và Tây Nam Bộ (sông Cửu Long và các phụ lưu)
V	GIÁP XÁC		
	Bộ Mười chân	Decapoda	
	Họ Tôm Hùm gai	Palinuridae	
59	Tôm Hùm đá	<i>Panulirus homarus</i>	Ven bờ biển Việt Nam từ Bắc Bộ đến vịnh Thái Lan, tập trung nhất ở các tỉnh ven biển miền Trung
60	Tôm Hùm đỏ	<i>Panulirus longipes</i>	Từ Quảng Bình đến Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận
VI	THÂN MỀM		
	Bộ Trai Cóc	Unionoida	

ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

²³ Bộ này được sửa đổi mức độ nguy cấp từ mức VU sang mức EN theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
	Họ Trai Cánh	Unionidae	
61	Trai Cóc vuông	<i>Protunio messengeri</i>	Cao Bằng (sông Bằng), Lạng Sơn (sông Kỳ Cùng)
	Bộ Chân bụng cỏ	Vetigastropoda ²⁴	
	Họ Ốc Đụn	Trochidae	
62	Ốc Đụn đực	<i>Tectus pyramis</i>	Hải Phòng (Bạch Long Vĩ, Cát Bà), Quảng Ninh (vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long), Khánh Hòa (vịnh Văn Phong, Hòn Tre, Hòn Miếu, Hòn Nội, Hòn Ngoại), Côn Đảo (Hòn Trắc, Hòn Tre nhỏ, Hòn Tre lớn, Côn Đảo nhỏ), đảo Trường Sa, Phú Quốc (Hòn Gỏi, Hòn Mây Rút, mũi Đất Đỏ)
VII	SAN HÔ		
	Bộ San hô sừng	Gorgonacea	
	Họ San hô sừng	Ellisellidae	
63	San hô sừng cảnh đẹp	<i>Junceella gemmacea</i>	Quảng Ninh (vịnh Hạ Long, quần đảo Cô Tô), Hải Phòng (đảo Cát Bà, quần đảo Long Châu), Kiên Giang (đảo Phú Quốc)
	Bộ San hô cứng	Scleractinia	
	Họ San hô cành	Pocilloporidae	
64	San hô cành đỉnh nhọn	<i>Seriatopora hystrix</i>	Trên các rạn san hô ven bờ từ Đà Nẵng (bán đảo Sơn Trà) đến Bà Rịa - Vũng Tàu (Côn Đảo), các đảo vùng biển Tây Nam Bộ (Thổ Chu, Nam Du, An Thới), quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa
65	San hô cành đầu nhụy	<i>Stylophora pistilata</i>	Trên các rạn san hô Tây vịnh Bắc Bộ (Cát Bà, Long Châu, Cô Tô, Bạch Long Vĩ, Cồn Cỏ), ven bờ biển miền Trung đến Đông Nam Bộ, quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa

²⁴ Tên khoa học Archaeogastropoda của Bộ này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
VIII	THỰC VẬT		
	Ngành Rong đỏ	Rhodophyta	
	Họ Rong câu	Gracilariaceae	
66	Rong câu chân vịt	<i>Hydropuntia eucheumoides</i>	Thừa Thiên Huế (Phú Lộc), Đà Nẵng (Hoàng Sa), Quảng Ngãi (Mộ Đức, Lý Sơn), Khánh Hòa (Nha Trang, Trường Sa), Ninh Thuận (Phan Rang), Bình Định (Quy Nhơn), Phú Yên, Bà Rịa - Vũng Tàu (Côn Đảo), Kiên Giang (Phú Quốc)
	Họ Rong đông	Hypneaceae	
67	Rong đông sao	<i>Hypnea cornuta</i>	Nghệ An (Quỳnh Lưu, Quỳnh Long), Hà Tĩnh, Quảng Trị, Khánh Hòa (Nha Trang, Trường Sa)
	Họ Rong kỳ lân	Solieriaceae	
68	Rong hồng vân	<i>Betaphycus gelatinum</i>	Thừa Thiên Huế (Phú Lộc, mũi Hải Vân - hòn Sơn Trà), Quảng Nam, Quảng Ngãi (Lý Sơn), Khánh Hòa (Nha Trang, Cam Ranh), Ninh Thuận (Thái An, Mỹ Hiệp, Ninh Hải, Phan Rang, Ninh Phước)
69	Rong hồng vân thối	<i>Eucheuma arnoldii</i>	Khánh Hòa (Trường Sa, Nam Yết, Sơn Ca, Thuyền Chài), Ninh Thuận (Ninh Hải)
70	Rong kỳ lân	<i>Kappaphycus cottonii</i>	Đà Nẵng (Hoàng Sa), Khánh Hòa (Sơn Ca), Quảng Ngãi (Lý Sơn), Ninh Thuận (Ninh Hải)
	Ngành Rong nâu	Phaeophyta	
	Họ Rong mơ	Sargassaceae	
71	Rong mơ mềm	<i>Sargassum tenerimum</i>	Quảng Ninh (Cầm Phả, Cô Tô), Hải Phòng (Đồ Sơn, Cát Hải, Cát Bà), Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa, Ninh Thuận

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
IX	DA GAI²⁵		
	Bộ Cầu gai	Echinoidea	
	Họ Cầu gai	Echinometridae	
72	Cầu gai đá	<i>Heterocentrotus mammillatus</i>	Ven bờ biển Phú Yên - Khánh Hòa và đảo Trường Sa

Bảng 4. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng lớn (VU)

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
I	THÚ		
	Bộ Cá voi	Cetacea	
	Họ Cá Heo	Delphinidae	
1	Cá Heo bụng trắng	<i>Lagenodelphis hosei</i>	Côn Đảo, Khánh Hòa
2	Cá Heo mõm dài	<i>Stenella longirostris</i>	Vịnh Bắc Bộ, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu và Côn Đảo
3	Cá Heo (Cá Heo bắc bộ)	<i>Stenella coeruleoalba</i>	Vùng biển khơi
4	Cá Heo đốm	<i>Stenella attenuata</i>	Vùng biển Khánh Hòa
5	Cá Heo răng thô	<i>Steno bredanensis</i>	Vùng biển Khánh Hòa - Ninh Thuận
6	Cá Voi	<i>Balaenoptera musculus</i>	Vùng biển khơi
7	Cá Ông sư	<i>Neophocaena phocaenoides</i>	Vùng biển khơi
8	Cá Nược minh hải (Cá Heo đông á và úc)	<i>Orcaella brevirostris</i>	Vùng biển khơi
9	Cá Ông mõm (Cá Voi triết ra-ta)	<i>Balaenoptera acutorostrata</i>	Vùng biển khơi
10	Cá Ông bắc (Cá Voi sei)	<i>Balaenoptera borealis</i>	Vùng biển khơi
11	Cá Ông brai (Cá Voi ê-đê-ni)	<i>Balaenoptera edeni</i>	Vùng biển khơi
12	Cá Ông xám (Cá Voi vây)	<i>Balaenoptera physalus</i>	Vùng biển khơi

²⁵ Mục này được sửa đổi mức độ nguy cấp từ mức VU sang mức EN theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
13	Cá Voi lưng gù (Cá Voi lưng phẳng)	<i>Megaptera novaeangliae</i>	Vùng biển khơi
14	Cá Ông chuông	<i>Pseudorca crassidens</i>	Vịnh Hạ Long, Khánh Hòa, Côn Đảo
15	Cá Heo mõm chai	<i>Tursiops truncatus</i>	Vịnh Bắc Bộ, biển miền Trung và Nam Bộ
II	CÁ		
	Bộ Cá Thát lát	Osteoglossiformes	
	Họ Cá Thát lát	Notopteridae	
16	Cá Nàng hương	<i>Chitala blanci</i>	Là loài phân bố hẹp, chỉ có ở sông Srepok và một số ao lân cận
17	Cá Thát lát khổng lồ	<i>Chitala lopis</i>	Là loài phân bố hẹp, chỉ có ở sông Srepok và một số ao lân cận
	Bộ Cá Trích	Clupeiformes	
	Họ Cá Trích	Clupeidae	
18	Cá Cháy nam	<i>Tenualosa thibaudeaui</i>	Miền Tây Nam Bộ: sông Cửu Long từ cửa sông đến An Giang
19	Cá Cháy bẹ	<i>Tenualosa toli</i>	Ven biển, cửa sông hạ lưu các sông thuộc vịnh Bắc Bộ và Nam Bộ: miền Đông, miền Tây và nhiều nhất là sông Cửu Long
20	Cá Mòi cò chắm	<i>Knonsirus punctatus</i>	Ven bờ vịnh Bắc Bộ, có thể vào các sông Hồng, Thái Bình, Ninh Cơ, sông Mã
21	Cá Mòi cò hoa (Cá Mòi cò) ²⁶	<i>Clupanodon thrissa</i>	Vùng núi phía Bắc: Hòa Bình, Hà Tây (sông Đà), Phú Thọ (Việt Trì - sông Thao, Đoan Hùng - sông Lô). Vùng đồng bằng Bắc Bộ: Thái Nguyên, Bắc Giang (sông Thương, sông Cầu), Hà Nội, Hưng Yên, Nam Định

²⁶ Loài này được sửa đổi mức độ nguy cấp từ mức EN sang mức VU theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
			(hạ lưu sông Hồng), Bắc Ninh, Hải Dương (hạ lưu hệ thống sông Thái Bình). Vùng Bắc Trung Bộ: Thanh Hóa (sông Mã) và Nghệ An (sông Lam)
	Bộ Cá Chình	Anguilliformes	
	Họ Cá Chình	Anguillidae	
22	Cá Chình mun	<i>Anguilla bicolor</i>	Thừa Thiên Huế (sông Hương, thành phố Huế), Quảng Ngãi (sông Trà Khúc - thành phố Quảng Ngãi), Bình Định (đầm Châu Trúc - Phù Mỹ)
23	Cá Chình nhọn	<i>Anguilla borneensis</i>	Bình Định (đầm Châu Trúc, huyện Phù Mỹ)
24	Cá Chình hoa	<i>Anguilla marmorata</i>	Hà Tĩnh (sông Ngàn Phố), Thừa Thiên Huế (sông Hương), Gia Lai (An Khê - sông Ba), Kon Tum (hồ đăk uy), Quảng Ngãi (sông Trà Khúc), Bình Định (đầm Châu Trúc - huyện Phù Mỹ)
	Bộ Cá Chép	Cypriniformes	
	Họ Cá Chép ²⁷	Cyprinidae	
25	Cá Tróc	<i>Acrossocheilus annamensis</i>	Nghệ An (Tương Dương, Anh Sơn, Tân Kỳ)
26	Cá Duồng	<i>Cirrhinus microlepis</i>	Các sông lớn ở Nam Bộ: hệ thống sông Đồng Nai - Sài Gòn, sông Vàm Cỏ Đông - Vàm Cỏ Tây (mùa lũ) và sông Cửu Long
27	Cá Măng (Cá Măng đậm)	<i>Elopichthys bambusa</i>	Các hệ thống sông lớn ở trung du, miền núi và đồng

²⁷ Họ Cá chép bao gồm các loại từ số 42 đến 46 được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
			bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ xuống tới sông Lam (Nghệ An)
28	Cá Chày trắng	<i>Ochelobius elongatus</i>	Sông suối, các hồ thông với sông và các hồ chứa ở các tỉnh phía Bắc. Giới hạn thấp nhất của loài này về phía Nam là sông Mã - Thanh Hóa
29	Cá Lá giang	<i>Parazacco vuquangensis</i>	Các khe suối nhỏ thuộc 2 huyện Hương Khê, Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh
30	Cá Anh vũ	<i>Semilabeo obscurus</i>	Các sông lớn ở các tỉnh miền núi phía Bắc: Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình (sông Đà), Lào Cai, Yên Bái (sông Thao, sông Chảy), Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ (sông Lô - Gâm), Cao Bằng, Lạng Sơn (sông Kỳ Cùng), Thái Nguyên (sông Cầu), Thanh Hóa (sông Mã) và Nghệ An (sông Lam)
31	Cá Rằm xanh	<i>Sinilabeo lemassoni</i>	Lào Cai, Yên Bái (sông Thao, sông Chảy), Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ (sông Lô - Gâm), Cao Bằng, Lạng Sơn (sông Kỳ Cùng, sông Bằng Giang), Thái Nguyên (sông Cầu), Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình (sông Đà), Thanh Hóa (sông Mã), Nghệ An (sông Lam), Quảng Nam (sông Thu Bồn), Quảng Ngãi (sông Trà Khúc)
32	Cá Hỏa	<i>Sinilabeo tonkinensis</i>	Các sông suối miền núi phía Bắc: Lào Cai, Yên Bái (sông Thao, sông Chảy), Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ (sông Lô - Gâm), Cao Bằng, Lạng Sơn (sông Kỳ Cùng, sông Bằng Giang), Thái Nguyên

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
			(sông Cầu), Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình (sông Đà), Thanh Hóa (sông Mã), Nghệ An (sông Lam)
33	Cá Ngựa bắc	<i>Tor (Folifer) brevifilis</i>	Các sông suối miền núi phía Bắc: Lào Cai, Yên Bái (sông Thao, sông Chảy), Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ (sông Lô - Gâm), Cao Bằng, Lạng Sơn (sông Kỳ Cùng), Bắc Kạn (Na Rì), Thái Nguyên (sông Cầu), Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình (sông Đà), Thanh Hóa (sông Mã) và Nghệ An (sông Lam)
34	Cá Sinh gai	<i>Onychostoma laticeps</i>	Lai Châu (Phong Thổ), Thái Nguyên (Chợ Mới: sông Cầu), Lạng Sơn (sông Kỳ Cùng), Nghệ An (sông Lam, vùng huyện Con Cuông)
35	Cá Chày đất	<i>Spinibarbus hollandi</i> ²⁸	Lai Châu (Phong Thổ), Yên Bái (sông Thao), Phú Thọ (sông Bứa vùng Thanh Sơn), Hòa Bình (sông Bôi vùng Lạc Thủy), Lạng Sơn (sông Trung vùng Hữu Lũng), Nghệ An (sông Lam vùng Con Cuông)
36	Cá Duồng bay ²⁹	<i>Cirrlinus microlepis</i>	Ở các sông thuộc hệ thống sông Cửu Long (đồng bằng Nam Bộ)

²⁸ Tên khoa học *Spinibarbus caldwelli* của loài này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

²⁹ Loài này được loại bỏ khỏi danh sách theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
37	Cá Ét mọi ³⁰	<i>Morulius chrysophekadion</i>	Vùng hạ lưu sông Cửu Long, ở các sông và các vùng đầm hồ có liên hệ
38	Cá Duồng Bay ³¹	<i>Cosmochilus harmandi</i>	Cá phân bố ở trung, thượng lưu sông Đồng Nai, sông Cửu Long (phần Nam Bộ) và một số phụ lưu của nó ở Tây Nguyên
39	Cá Ngựa xám	<i>Tor tambroides</i>	Gia Lai (An Khê: sông Ba), Đồng Nai (sông La Ngà)
40	Cá Mây	<i>Gyrinocheilus aymonieri</i>	Đăk Lăk (Buôn Ma Thuột: suối Ialốp), Đồng Nai (sông Đồng Nai), Tiền Giang (sông Cửu Long)
41	Cá Bám đá liền	<i>Sinogastromyzon tonkinensis</i>	Phú Thọ (sông Bứa vùng Thanh Sơn)
42	Cá bống	<i>Spinibarbus denticulatus</i>	Trung và thượng lưu các sông lớn ở các tỉnh phía Bắc như sông Hồng (Yên Bái trở lên), sông Lam (Son Cuông, của Rào), sông Thu Bồn, sông Trà Khúc (Nam trung Bộ)
43	Cá cầy	<i>Paraspinibarbus macracanthus</i>	Các sông ở các tỉnh phía Bắc
44	Cá ngựa nam	<i>Hampala macrolepidota</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
45	Cá dóc	<i>Spinibarbichthys denticulatus</i>	Thanh Hóa
46	Cá vền	<i>Megalobrama terminalis</i>	Trung và hạ lưu các sông thuộc hệ thống sông Hồng,

³⁰ Loài này được loại bỏ khỏi danh sách theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

³¹ Tên “Cá duồng xanh” được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
			sông Thái Bình; sông Lam, sông Thu Bồn
	Họ Gyриноcheilidae ³²	Gyrinocheilidae	
47	Cá mây đá	<i>Gyrinocheilus pennocki</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
	Bộ Cá Nheo	Siluriformes	
	Họ Cá Nheo	Siluridae	
48	Cá Sơn đài	<i>Ompok miostoma</i>	Trung thượng lưu sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, Đông Nam Bộ
	Họ Cá Lăng	Bagridae	
49	Cá Lăng (Cá Lăng chấm)	<i>Hemibagrus guttatus</i>	Các sông lớn ở phía Bắc: sông Hồng, sông Thái Bình, sông Kỳ Cùng, sông Mã, sông Lam tới sông Trà Khúc - Quảng Trị
50	Cá Ngạnh	<i>Cranoglamis sinensis</i>	Ở hầu hết các sông vùng đồng bằng và trung lưu các sông lớn miền Bắc nước ta: Hà Nội (sông Hồng), Hưng Yên, Nam Định, Thanh Hóa (sông Mã), Nghệ An (Con Cuông)
	Họ Cá Chiên	Sisoridae	
51	Cá Chiên	<i>Bagarius rutilus</i>	Các sông suối phía Bắc: Lào Cai, Yên Bái (sông Thao, sông Chảy), Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ (sông Lô - Gâm), Cao Bằng, Lạng Sơn (sông Kỳ Cùng), Bắc Kạn (Na Rì), Thái Nguyên (sông Cầu), Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình (sông Đà), Thanh Hóa

³² Họ này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
			(sông Mã), Nghệ An (sông Lam) về phía nam tới sông Thu Bồn (Quảng Nam)
52	Cá chiên bạc ³³	<i>Bagarius yarrelli</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
	Họ cá lăng ³⁴	Bagridae	
53	Cá lăng đỏ	<i>Hemibagrus wyckioides</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
54	Cá chột cờ	<i>Heterobagrus bocourti</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
	Bộ Cá Vược	Perciformes	
	Họ Cá Hường	Coiidae	
55 ³⁵	Cá thái hồ	<i>Datnioides pulcher</i>	Các sông, hồ ở Nam Bộ: sông Đồng Nai, Sài Gòn, Cửu Long, Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây
56	Cá Hường vện	<i>Datnioides quadrifasciatus</i> ³⁶	Các sông ở Nam Bộ: Đồng Nai, Sài Gòn, Cửu Long, Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây
	Họ Cá Mang rô	Toxotidae	

³³ Loài này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

³⁴ Họ này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

³⁵ Tên Việt Nam “Cá Hường” và tên khoa học “*Coius microlepis*” của loài này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

³⁶ Tên khoa học *Coius quadrifasciatus* của loài này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
57	Cá Mang rô ³⁷	<i>Toxotes chatareus</i>	Hạ lưu các sông ở Nam Bộ: sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Cửu Long, sông Vàm Cỏ Đông, sông Vàm Cỏ Tây
58	Cá Lóc bông ³⁸	<i>Ophiocephalus micopeltes</i>	Chủ yếu ở các vực nước thuộc hệ thống sông Cửu Long ở Nam Bộ, và một số sông ở Tây Nguyên
	Họ Cá Bống đen ³⁹	Eleotridae	
59	Cá Bống bớp	<i>Bostrichthys sinensis</i>	Ven bờ tây vịnh Bắc Bộ (từ Quảng Ninh đến Hà Tĩnh), Nam Trung Bộ, Đông và Tây Nam Bộ
	Bộ Cá Lưỡng tiêm	Amphioxiformes	
	Họ Cá Lưỡng tiêm	Amphioxidae	
60	Cá Lưỡng tiêm	<i>Amphioxus belcheri</i>	Vịnh Bắc Bộ
	Bộ Cá Mập	Carcharhiniformes	
	Họ Cá Nhám mèo	Scyliorhinidae	
61	Cá Mập ăn thịt người	<i>Carcharodon carcharias</i>	Trường Sa, Khánh Hòa, Bình Thuận, Côn Đảo
	Họ cá mập ⁴⁰	Carcharhinidae	

³⁷ Loài này được loại bỏ khỏi danh sách theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

³⁸ Loài này được loại bỏ khỏi danh sách theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

³⁹ Họ này được sửa đổi mức độ nguy cấp từ mức CR sang mức VU theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

⁴⁰ Họ này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
62	Cá mập hiền	<i>Carcharhinus amblyrhynchoides</i>	Vùng biển xa bờ
	Bộ Cá Đuối điện	Torpediniformes	
	Họ Cá Đuối điện hai vây lưng	Torpedinidae	
63	Cá Đuối điện bắc bộ	<i>Narcine tonkinensis</i>	Vịnh Bắc Bộ
	Bộ Cá Cháo biển	Elopiformes	
	Họ Cá Cháo biển	Elopidae	
64	Cá Cháo biển	<i>Elops saurus</i>	Hà Nam (vùng cửa sông Ninh Cơ), vùng ven biển Đông Nam Bộ
	Họ Cá Cháo lớn	Megalopidae	
65	Cá Cháo lớn	<i>Megalops cyprinoides</i>	Nam Định (vùng cửa sông Hồng), Phú Yên (Ô Loan), Khánh Hòa và Nam Bộ
	Họ Cá Mòi đường	Albulidae	
66	Cá Mòi đường	<i>Albula vulpes</i>	Nam Định (cửa sông Ninh Cơ), Nam Trung Bộ (Khánh Hòa, Bình Thuận) và Nam Bộ (cửa sông Cửu Long thuộc Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng)
	Bộ Cá Sữa	Goorhynchiformes	
	Họ Cá Măng biển	Chanidae	
67	Cá Măng sữa	<i>Chanos chanos</i>	Đọc ven biển từ Nghệ An đến Bình Thuận, tập trung nhất là từ Bình Định đến Khánh Hòa
	Bộ Cá Trích	Clupeiformes	
	Họ Cá Trích	Clupeidae	
68	Cá Mòi không răng	<i>Anodontosma chacunda</i>	Vịnh Bắc Bộ, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Cà Mau, Kiên Giang
69	Cá Mòi cò chằm	<i>Konosirus punctatus</i>	Ven bờ vịnh Bắc Bộ, có thể vào các sông Hồng, Thái Bình, Ninh Cơ, sông Mã
70	Cá Mòi mõm tròn	<i>Nematalosa nasus</i>	Ven bờ tây vịnh Bắc Bộ, Nam Trung Bộ (Khánh Hòa,

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
			Bình Thuận), Nam Bộ (cửa sông Cửu Long thuộc các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng)
	Bộ Cá Vược	Perciformes	
	Họ Cá Bướm	Chaetodontidae	
71	Cá Bướm hai màu	<i>Centropyge bicolor</i>	Biển Nha Trang và quần đảo Trường Sa
	Họ Cá Kim	Schindleridae	
72	Cá Kim	<i>Schindleria praematura</i>	Vịnh Bắc Bộ (giữa và cửa vịnh), miền Trung (Khánh Hòa, Bình Thuận)
	Bộ Cá Gai	Gasterosteiformes	
	Họ Cá Chia vôi	Syngnathidae	
73	Cá Chia vôi khoang vàng	<i>Doryrhamphus dactyliophorus</i>	Khánh Hòa, quần đảo Trường Sa
74	Cá Chia vôi sọc xanh	<i>Doryrhamphus exciscus</i>	Khánh Hòa và quần đảo Trường Sa
75	Cá Ngựa gai	<i>Hippocampus histrix</i>	Vịnh Bắc Bộ, Đà Nẵng đến Bà Rịa - Vũng Tàu, Kiên Giang
76	Cá Ngựa ken lô	<i>Hippocampus kelloggi</i>	Vịnh Bắc Bộ
77	Cá Chia vôi không vây đuôi	<i>Solognathus hardwickii</i>	Vịnh Bắc Bộ, các tỉnh ven biển Trung Bộ, Nam Bộ
78	Cá Chia vôi mõm nhọn	<i>Syngnathus acus</i>	Dọc ven biển từ vịnh Bắc Bộ đến vịnh Thái Lan
79	Cá Chia vôi mõm răng cưa	<i>Trachyrhamphus serratus</i>	Rải rác từ Quảng Ninh đến Kiên Giang
80	Cá Chia vôi cửa sông	<i>Crenidens sarissophorus</i>	Cửa sông Sài Gòn
	Bộ Cá Vược	Perciformes	
	Họ Cá Mú	Serranidae	
81	Cá Mú sọc trắng	<i>Anyperodon leucogrammicus</i>	Quảng Ninh, Khánh Hòa, Kiên Giang, Trường Sa
82	Cá Song mõ	<i>Epinephelus tauvina</i>	Các tỉnh ven biển Việt Nam, từ Quảng Ninh đến Kiên Giang
83	Cá Song vua	<i>Epinephelus lanceolatus</i>	Vịnh Bắc Bộ
	Họ Cá Bướm	Chaetodontidae	

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
84	Cá Bướm bốn vằn	<i>Coradion chrysozonus</i>	Quảng Nam, Khánh Hòa, Bình Thuận, Côn Đảo, vịnh Thái Lan và quần đảo Trường Sa
85	Cá Bướm mõm dài	<i>Forcipiger longirostris</i>	Khánh Hòa, vịnh Thái Lan và quần đảo Trường Sa
86	Cá Bướm vằn	<i>Parachaetodon ocellatus</i>	Khánh Hòa
	Họ Cá Chim xanh	Pomacanthidae	
87	Cá Chim hoàng đế	<i>Pomacanthus imperator</i>	Cù Lao Chàm (Quảng Nam), Nha Trang (Khánh Hòa), Cù Lao Câu (Bình Thuận), Côn Đảo, vịnh Thái Lan và quần đảo Trường Sa
88	Cá Chim xanh nắp mang tròn	<i>Pygoplites diacanthus</i>	Vùng biển Nha Trang và quần đảo Trường Sa
	Họ Cá Bàng chài	Labridae	
89	Cá Bàng chài axin ⁴¹	<i>Bodianus axillaris</i>	Cù Lao Chàm, Nha Trang (Khánh Hòa), Cù Lao Câu, Côn Đảo và quần đảo Trường Sa
90	Cá Bàng chài đầu đen ⁴²	<i>Thalassoma lunare</i>	Vịnh Bắc Bộ, Cù Lao Chàm, Nha Trang, Cù Lao Câu, Côn Đảo, Phú Quốc (Kiên Giang) và quần đảo Trường Sa
	Bộ Cá Mù làn	Scorpaeniformes	
	Họ Cá Chào mào	Triglidae	
91	Cá Chào mào gai	<i>Satyrichthys rieffeli</i>	Bình Định, Khánh Hòa, Bình Thuận
	Bộ Cá Nhái	Lophiiformes	
	Họ Cá Lưỡi dong	Antennariidae	
92	Cá Lưỡi dong đen	<i>Antennarius striatus</i>	Khánh Hòa (Nha Trang)

⁴¹ Loài này được loại bỏ khỏi danh sách theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

⁴² Loài này được loại bỏ khỏi danh sách theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
	Bộ Cá Nóc	Tetraodontiformes	
	Họ Cá Bò giấy	Monacanthidae	
93	Cá Bò xanh hoa đỏ	<i>Oxymonacanthus longirostris</i>	Quần đảo Trường Sa, Khánh Hòa
	Bộ cá đuối⁴³	Rajiformes	
	Họ cá đuối bướm	Gymnuridae	
94	Cá đuối bướm 2 chấm	<i>Gymnura bimaculata</i>	Vịnh Bắc Bộ
	Họ cá đuối bông	Dasyatidae	
95	Cá đuối bông lõi	<i>Dasyatis bennetti</i>	Vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ và vùng biển xa bờ
	Họ cá giông	Rhinobatidae	
96	Cá đuối đĩa 2 hàng gai	<i>Platyrrhina limboonkengi</i>	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
97	Cá đuối đĩa trung hoa	<i>Platyrrhina sinensis</i>	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
	Bộ cá nhám ⁴⁴	Lamniformes	
	Họ cá nhám thu	Lamnidae	
98	Cá mập trắng lớn	<i>Carcharodon carcharias</i>	Vùng biển xa bờ
	Họ Pseudocarchariidare	Pseudocarchariidare	
99	Cá nhám thu/cá mập sâu	<i>Pseudocarcharias kamoharai</i>	Vùng biển xa bờ
III	GIÁP XÁC		
	Bộ Mười chân	Decapoda	
	Họ Cua Suối	Potamidae	
100	Cua Suối mai rập	<i>Potamiscus tannanti</i>	Lào Cai, Hòa Bình

⁴³ Bộ này được được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

⁴⁴ Bộ này được được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
101	Cua Suối vỏ nhẵn	<i>Potamon fruhstorferi</i>	Nghê An (Đồng Tam Vè), Thừa Thiên Huế (A Lưới), Nam Trung Bộ (Phúc Sơn)
102	Cua Suối kim bôi	<i>Ranguna kimboiensis</i>	Hòa Bình (Chi Nê, Kim Bôi), Ninh Bình (Cúc Phương)
103	Cua Suối trung bộ	<i>Tiwaripotamon annamense</i>	Thái Nguyên (Ký Phú), Bắc Kạn, Hòa Bình (Chi Nê), Nam Trung Bộ (Phúc Sơn)
104	Cua Núi mai nhẵn	<i>Orientalia glabra</i>	Hòa Bình (Chi Nê), Hà Tây (Ba Vì), Thái Nguyên (xã Cao Kỳ, Ký Phú)
	Họ Tôm Hùm gai	Palinuridae	
105	Tôm Hùm kiếm ba góc	<i>Linuparus trigonus</i>	Ngoài khơi đảo Hoàng Sa và biển Đông Nam Bộ
106	Tôm Hùm bông	<i>Panulirus ornatus</i>	Rất phổ biến ở Việt Nam, tập trung nhất ở các tỉnh ven biển miền Trung
107	Tôm Hùm lông đỏ	<i>Palinurellus gundlachi wieneckii</i>	Phú Yên, Khánh Hòa
108	Tôm Hùm sen	<i>Panulirus versicolor</i>	Thường gặp ở ven biển các tỉnh Trung và Nam Bộ
	Họ Tôm Vỗ	Scyllaridae	
109	Tôm Vỗ biển sâu	<i>Ibacus ciliatus</i>	Ven biển miền Trung (từ Đà Nẵng đến Bình Thuận) và ngoài khơi Đông Nam Bộ
110	Tôm Vỗ xanh	<i>Parribacus antarcticus</i>	Ven biển miền Trung và vùng khơi Nam Bộ
111	Tôm Vỗ dẹp trắng	<i>Thenus orientalis</i>	Từ vùng khơi biển Quảng Ninh tới Kiên Giang. Vùng có mật độ tương đối cao là vùng biển Cù Lao Thu (Bình Thuận) và vùng biển Cà Mau tới đảo Phú Quốc (Kiên Giang)
	Họ Cua bơi	Portunidae	
112	Ghẹ chữ thập (Cua thập ác)	<i>Charybdis feriatus</i>	Khắp biển ven bờ Việt Nam, nhưng chủ yếu ở biển miền Trung
	Họ Cua Hoàng đế	Raninadae	
113	Cua Hoàng đế	<i>Ranina ranina</i>	Khắp biển ven bờ Việt Nam, nhưng chủ yếu ở biển miền Trung

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
IV	THÂN MỀM		
	Bộ Chân bụng trung	Mesogastropoda	
	Họ Ốc Mút	Pachychiliidae	
114	Ốc Mút vệt nâu	<i>Sulcospira proteus</i>	Cao Bằng (Hạ Lang), Lai Châu (Phong Thổ)
115	Ốc Vặn hình côn	<i>Stenomelania reevei</i>	Suối, sông vùng núi trung du Ninh Bình, Trung Bộ
	Họ Ốc Tù và	Ranellidae ⁴⁵	
116	Ốc Tù và lô tô	<i>Cymatium lotorium</i>	Khánh Hòa
	Họ Ốc Sứ	Cypraeidae	
117	Ốc Sứ	<i>Cypraea testudinaria</i>	Quảng Ngãi (Đảo Lý Sơn), Khánh Hòa
118	Ốc Sứ trung hoa	<i>Blasicrura chinensis</i>	Khánh Hòa (Nha Trang), Quảng Ngãi (Lý Sơn)
119	Ốc Sứ bản đồ	<i>Cypraea mappa</i>	Quảng Ngãi (đảo Lý Sơn) Khánh Hòa (vịnh Văn Phong - Bến Gỏi), Côn Đảo
120	Ốc Sứ padi	<i>Cypraea spadicea</i>	Khánh Hòa
121	Ốc Sứ đốm	<i>Cypraea turdus</i>	Vịnh Văn Phong - Bến Gỏi
122	Ốc Sứ sọc trắng	<i>Mauritia scurra</i>	Vịnh Văn Phong - Bến Gỏi, Trường Sa
123	Ốc Sứ trắng nhỏ	<i>Ovula costellata</i>	Vịnh Văn Phong - Bến Gỏi
124	Ốc Sứ hiti	<i>Cypraea histrio</i>	Vịnh Văn Phong - Bến Gỏi
125	Ốc Sứ lác tê	<i>Calpurnus lacteus</i>	Đà Nẵng (đảo Sơn Trà), Khánh Hòa (đảo Hòn Mun), Côn Đảo
126	Ốc Sứ veru	<i>Calpurnus verrocusus</i>	Quảng Ngãi (đảo Lý Sơn), Khánh Hòa (Bãi Tiên - Hòn Rùa, Hòn Nội, Hòn Tằm, vịnh Văn Phong)
	Họ Ốc Sứ trắng	Ovulidae	
127	Ốc Kim khôi	<i>Cassis cornuta</i>	Khánh Hòa (Văn Phong - Bến Gỏi), Bình Thuận, Trường Sa, Phú Quốc

⁴⁵ Tên khoa học Cymatidae của Họ này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
128	Ốc Kim khôi đỏ	<i>Cypraeassis rufa</i>	Khánh Hòa
	Bộ Chân bụng cỏ	Vetigastropoda ⁴⁶	
	Họ Bào ngư	Haliotidae	
129	Bào ngư vành tai	<i>Haliotis asinina</i>	Thừa Thiên - Huế (Chân Mây), Khánh Hòa (Hòn Nội, Hòn Chà Nà, Hòn Tằm, Hòn Tre), Côn Đảo (Hòn Tre Lớn, Côn Đảo Nhỏ), Cù Lao Chàm (Quảng Nam)
130	Bào ngư bầu dục	<i>Haliotis ovina</i>	Cù Lao Chàm (Quảng Nam), Khánh Hòa (vịnh Văn Phong, Hòn Tre, Hòn Nội); đảo Phú Quốc (Hòn Thơm, Hòn Vang, Hòn Mây Rút, mũi Ông Đội, mũi Đất Đỏ), đảo Thổ Chu; Côn Đảo (Hòn Tre lớn, Hòn Tre nhỏ)
	Bộ Chân bụng khác	Heterogastropoda	
	Họ Ốc Xoắn vách	Epitonidae	
131	Ốc Xoắn vách	<i>Epitonium scalare</i>	Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long, Khánh Hòa (Đại Lãnh), Côn Đảo
	Bộ Trai Cóc	Unionoida	
	Họ Trai Cóc	Amblemidae	
132	Trai Cóc hình lá	<i>Lamprotula blaisei</i>	Vùng núi, trung du Đông - Bắc, đồng bằng Bắc Bộ
133	Trai Cóc hình tai	<i>Lamprotula leai</i>	Vùng núi, trung du Đông - Bắc, đồng bằng Bắc Bộ, Nghệ An, Hà Tĩnh
134	Trai Cóc tròn	<i>Lamprotula nodulosa</i>	Cao Bằng (sông Bằng)
135	Trai Cóc bầu dục	<i>Lamprotula liedtkei</i>	Vùng núi, trung du Đông Bắc (sông Lô, sông Bằng)
	Họ Trai Cánh	Unionidae	
136	Trai Cánh mỏng	<i>Cristaria bialata</i>	Vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ

⁴⁶ Tên khoa học Archaeogastropoda của Bộ này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
137	Trùng trục có khía	<i>Lanceolaria fruhstorferi</i>	Cao Bằng (sông Bằng), Thừa Thiên - Huế, Nam Trung Bộ (Phúc Sơn)
138	Trai điệp	<i>Sinohyriopsis cumingii</i>	Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Tây, Hà Nội, Ninh Bình
139	Trai Cánh dày	<i>Cristaria herculea</i>	Vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ
	Bộ Trai Ngọc	Pterioida	
	Họ Trai Ngọc	Pteridae	
140	Trai Ngọc môi đen (Trai Ngọc macgarit)	<i>Pinctada margaritifera</i>	Vịnh Hạ Long, Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Phan Thiết, đảo Hoàng Sa, Phú Quốc, Côn Đảo
141	Trai Ngọc môi vàng	<i>Pinctada maxima</i>	Cô Tô, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Phú Quốc
142	Trai Ngọc nữ	<i>Pteria penguin</i>	Biển Sơn (Thanh Hóa), Quảng Nam, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Phan Thiết, Phú Quốc, Côn Đảo
	Bộ Vẹm	Mytiloidea	
	Họ Bàn mai	Pinnidae	
143	Vẹm xanh ⁴⁷	<i>Perna viridis</i>	Vịnh Bắc Bộ, Hải Phòng (Đồ Sơn), Quy Nhơn (đầm Thị Nại), Phú Yên (đầm Ô Loan), Khánh Hòa (đầm Nha Phu, đầm Thủy Triều)
144	Trai bàn mai ⁴⁸	<i>Atrina vexillum</i>	
	Bộ Ngao	Veneroidea	
	Họ Trai tai tượng	Tridacnidae	
145	Trai tai ghé	<i>Hippopus hippopus</i>	Đảo Trường Sa

⁴⁷ Loài này được loại bỏ khỏi danh sách theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

⁴⁸ Loài này được sửa đổi mức độ nguy cấp từ mức EN sang mức VU theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
146	Trai tai tượng nhỏ	<i>Tridacna squamosa</i>	Khánh Hòa, Trường Sa, Bình Thuận, Côn Đảo, Phú Quốc
147	Trai tai tượng lớn	<i>Tridacna maxima</i>	Quảng Nam, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Trường Sa, Côn Đảo
	Họ Vọp ⁴⁹	Mactridae	
148	Tu hải	<i>Lutraria rhynchaena</i>	Hải Phòng (Cát Bà); Quảng Ninh (vịnh Hạ Long)
	Bộ Mực ống	Teuthidea	
	Họ Mực ống	Loliginidae	
149	Mực thước	<i>Photololigo chinensis</i>	Quảng Ninh (vịnh Hạ Long), Hải Phòng (Đồ Sơn, Cát Bà, Bạch Long Vĩ), Khánh Hòa (Nha Trang), Phan Rang, Phan Thiết, Bà Rịa - Vũng Tàu
150	Mực lá ⁵⁰	<i>Sepioteuthis lessoniana</i>	Vùng biển ven bờ từ vịnh Bắc Bộ đến Tây Nam Bộ
	Bộ Mực nang	Sepioidea	
	Họ Mực nang	Sepiidae	
151	Mực nang vân hổ	<i>Sepia (tigris) pharaonis</i>	Vịnh Bắc Bộ, Khánh Hòa, Phan Thiết, Bà Rịa - Vũng Tàu
	Bộ Sipunculiformes ⁵¹	Sipunculiformes	
	Họ Sipunculide	Sipunculide	
152	Sá sùng	<i>Sipunculus nudus</i>	Hải Phòng, Quảng Ninh

⁴⁹ Họ này được sửa đổi mức độ nguy cấp từ mức EN sang mức VU theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

⁵⁰ Loài này được được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

⁵¹ Bộ này được được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
V	SAN HÔ		
	Bộ San hô sừng	Gorgonacea	
	Họ San hô trúc	Isididae	
153	San hô trúc	<i>Isis hippuris</i>	Quần đảo Trường Sa
	Bộ San hô cứng	Scleractinia	
	Họ San hô lỗ đỉnh	Acroporidae	
154	San hô lỗ đỉnh xù xì	<i>Acropora aspera</i>	Quảng Ninh (Hạ Long, Cô Tô), Hải Phòng (Cát Bà, Bạch Long Vỹ), Quảng Ngãi (đảo Lý Sơn), Khánh Hòa (vịnh Nha Trang, quần đảo Trường Sa), Bình Thuận (Hòn Thu), Bà Rịa - Vũng Tàu (Côn Đảo), Kiên Giang (An Thới)
155	San hô lỗ đỉnh au-te	<i>Acropora austera</i>	Quảng Ninh (vịnh Hạ Long, quần đảo Cô Tô), Hải Phòng (Bạch Long Vĩ), Quảng Ngãi (đảo Lý Sơn), Khánh Hòa (vịnh Nha Trang, quần đảo Trường Sa), Ninh Thuận (đảo Hòn Thu), Bà Rịa - Vũng Tàu (Côn Đảo), Kiên Giang (An Thới)
156	San hô lỗ đỉnh hạt	<i>Acropora cerealis</i>	Quảng Ninh (đảo Hạ Mai), Hải Phòng (Bạch Long Vĩ), các đảo ven bờ của các tỉnh từ Quảng Trị (Cồn Cỏ) đến Bà Rịa - Vũng Tàu (Côn Đảo), các đảo Tây Nam Bộ (Thỏ Chu, Nam Du, Phú Quốc), quần đảo Trường Sa
157	San hô lỗ đỉnh hoa	<i>Acropora florida</i>	Phân bố rộng trên các rạn san hô từ vịnh Bắc Bộ đến vịnh Thái Lan và quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa
157	San hô lỗ đỉnh đài loan	<i>Acropora formosa</i>	Quảng Ninh (Hạ Long, Cô Tô), Hải Phòng (Cát Bà, Bạch Long Vỹ), các tỉnh miền Trung từ Quảng Trị (Cồn Cỏ)

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
			đến Bà Rịa - Vũng Tàu (Côn Đảo), các đảo Tây Nam Bộ và quần đảo Trường Sa
158	San hô lỗ đỉnh no-bi	<i>Acropora nobilis</i>	Quảng Ninh (Hạ Long, Cô Tô), Hải Phòng (Cát Bà, Bạch Long Vỹ), các tỉnh miền Trung từ Quảng Trị (Cồn Cỏ) đến Bà Rịa - Vũng Tàu (Côn Đảo), các đảo Tây Nam Bộ và quần đảo Trường Sa
	Họ San hô cành	Pocilloporidae	
159	San hô cành đa mi	<i>Pocillopora damicornis</i>	Trên các rạn san hô từ Quảng Trị (đảo Cồn Cỏ) đến Bà Rịa - Vũng Tàu (Côn Đảo), các đảo Tây Nam Bộ (Thổ Chu, Nam Du, An Thới, Phú Quốc), quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa
160	San hô cành sần sùi	<i>Pocillopora verrucosa</i>	Trên các rạn san hô từ Quảng Trị (đảo Cồn Cỏ) đến Bà Rịa - Vũng Tàu (Côn Đảo), các đảo Tây Nam Bộ (Thổ Chu, Nam Du, An Thới, Phú Quốc), quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa
	Họ San hô khối	Poritidae	
161	San hô khối đầu thùy	<i>Porites lobata</i>	Quảng Ninh (Hạ Long, Cô Tô, Đảo Trần), Hải Phòng (Cát Bà, Long Châu, Bạch Long Vỹ), Thanh Hóa (Hòn Mê), Hà Tĩnh (hòn Sơn Dương), các tỉnh miền Trung từ Quảng Trị (Cồn Cỏ) đến Bà Rịa - Vũng Tàu (Côn Đảo), các đảo Tây Nam Bộ và quần đảo Trường Sa

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
	SAN HÔ⁵²		
162	San hô gai	<i>Anthipathes spp.</i>	Ven đảo
163	San hô roi	<i>Cirripathes sp</i>	Ven đảo
VI	DA GAI		
	Bộ Xúc tu hình tán	Aspidochirotida	
	Họ Hải sâm	Holothuriidae	
164	Đồn đột mít	<i>Actinopyga echinites</i>	Ven bờ miền Trung và các hải đảo: Côn Đảo, Phú Quốc - Thổ Chu
165	Đồn đột dứa	<i>Actinopyga mauritiana</i>	Ven bờ Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận và các hải đảo: Trường Sa, Côn Đảo, Phú Quốc - Thổ Chu
166	Đồn đột vú	<i>Microthele nobilis</i>	Ven bờ Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận và các hải đảo: Trường Sa, Côn Đảo
	Họ Hải sâm lựu	Stichopodidae	
167	Đồn đột lựu	<i>Theleota ananas</i>	Khánh Hòa, Bình Thuận, Trường Sa, Thổ Chu
168	Hải sâm hổ phách	<i>Theleota anax</i>	Ven biển Khánh Hòa
VII	GIÁP CỎ		
	Bộ Sam	Limulacea	
	Họ Sam	Xiphosuridae	
169	Sam ba gai đuôi	<i>Tachyplesus tridentatus</i>	Các vùng ven biển, nhất là các tỉnh miền trung Việt Nam
VII	CÔN TRÙNG		
	Bộ Cánh nửa	Hemiptera	
	Họ Chân bơi	Belostomatidae	
170	Cà cuống	<i>Lethocerus indicus</i>	Vùng thủy vực thuộc hầu hết các tỉnh Việt Nam

⁵² Các loài thuộc San Hô được được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2011.

STT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Vùng phân bố tự nhiên
IX	THỰC VẬT		
	Ngành Rong đỏ	Rhodophyta	
	Họ Rong đông	Hypneaceae	
171	Rong đông móc câu	<i>Hypnea japonica</i>	Thanh Hóa (Quảng Xương), Nghệ An (Quỳnh Lưu), Hà Tĩnh (Kỳ Anh), Quảng Bình (Quảng Trạch), Quảng Trị (Vĩnh Linh), Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam
	Họ Rong san hô	Rhodogorgonaceae	
172	Rong san hô caribe	<i>Rhodogorgon carriehowensis</i>	Khánh Hòa (Nha Trang, quần đảo Trường Sa)
	Ngành Rong nâu	Phaeophyta	
	Họ Rong mơ	Sargassaceae	
173	Rong mơ hai sừng	<i>Sargassum bicorne</i>	Đà Nẵng, Khánh Hòa (Nha Trang), Ninh Thuận (Cà Ná)
171	Rong mơ công kinh	<i>Sargassum congkinhii</i>	Khánh Hòa (Nha Trang)
175	Rong mơ quy nhơn	<i>Sargassum quinhonense</i>	Bình Định (Quy Nhơn, Gành Ráng)
176	Rong cùi bắp cạnh	<i>Turbinaria decurrens</i>	Quảng Ngãi (Lý Sơn), Khánh Hòa (Nha Trang), Ninh Thuận (Phan Rang), Bình Thuận (Phú Quý)